

# KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

## KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Kiểm tra kiến thức phần Lịch sử các chương:

Chương 2. Trung Quốc và Ấn Độ thời Trung đại

Chương 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI

Chương 4. Đất nước dưới thời các vương triều Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009)

– Kiểm tra kiến thức phần Địa lí các chương:

Chương 1. Châu Âu

Chương 2. Châu Á

Chương 3. Châu Phi

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đề kiểm tra; giấy thi.

### III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<i>GV tổ chức hoạt động</i>	<i>Hoạt động của HS</i>	<i>Kết quả, sản phẩm học tập</i>
<p>– Yêu cầu HS ổn định chỗ ngồi, lấy giấy kiểm tra và cất các tài liệu có liên quan.</p> <p>– Phát đề kiểm tra cho từng HS.</p> <p>– Quan sát, nhắc nhở HS làm bài nghiêm túc.</p> <p>– Thu lại bài làm của HS sau khi hết giờ.</p> <p>– Nhận xét chung về quá trình làm bài của cả lớp.</p>	<p>– Ổn định chỗ ngồi (ngồi đúng vị trí), lấy giấy kiểm tra, cất tài liệu có liên quan.</p> <p>– Nhận đề kiểm tra.</p> <p>– Làm bài nghiêm túc.</p> <p>– Nộp lại bài cho GV.</p> <p>– Lắng nghe ý kiến nhận xét của GV.</p>	<p>Hoàn thành bài kiểm tra.</p>

#### IV. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

##### A. LỊCH SỬ

TT	Chương hoặc chủ đề	Nội dung, đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức										Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		%	
1	Chương 2. Trung Quốc và Ấn Độ thời Trung đại	Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hoá của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	2										5%
2	Chương 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	Thành tựu văn hoá Ấn Độ Vương quốc Campuchia Vương quốc Lào	2		1								20%
3	Chương 4. Đất nước dưới thời các vương triều Ngô – Đinh – Tiền Lê (939 – 1009)	Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009 thời Ngô – Đinh – Tiền Lê	2			1/2				1/2			20%
<b>Tổng số câu</b>			8TN		1TL		1/2TL		1/2TL				
<b>Tỉ lệ % mức độ nhận thức</b>			<b>20%</b>		<b>15%</b>		<b>10%</b>		<b>5%</b>				<b>50%</b>
<b>Tỉ lệ chung % mức độ nhận thức</b>			<b>35%</b>		<b>15%</b>		<b>15%</b>		<b>5%</b>		<b>50%</b>		

B. ĐỊA LÍ

TT	Chương hoặc chủ đề	Nội dung, đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao					
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL				
1	<b>Chương 1. Châu Âu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu</li> <li>2. Đặc điểm tự nhiên</li> <li>3. Đặc điểm dân cư, xã hội</li> <li>4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</li> <li>5. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)</li> </ul>	3					1					17,5%	
2	<b>Chương 2. Châu Á</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Á</li> <li>2. Đặc điểm tự nhiên</li> <li>3. Đặc điểm dân cư, xã hội</li> <li>4. Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á</li> <li>5. Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á</li> </ul>	3					1					22,5%	
3	<b>Chương 3. Châu Phi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu</li> <li>2. Đặc điểm tự nhiên</li> <li>3. Đặc điểm dân cư, xã hội</li> <li>4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</li> <li>5. Khái quát về Cộng hoà Nam Phi</li> </ul>	2							1			10%	
		<b>Tổng số câu</b>	<b>8TN</b>					<b>1TL</b>				<b>1TL</b>		
		<b>Tỉ lệ % mức độ nhận thức</b>	<b>20%</b>					<b>15%</b>				<b>10%</b>		<b>5%</b>
		<b>Tỉ lệ chung % mức độ nhận thức</b>					<b>35%</b>				<b>15%</b>		<b>50%</b>	

## V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

### A. LỊCH SỬ

TT	Chương	Nội dung hoặc Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chương 2. Trung Quốc và Ấn Độ thời Trung đại	<p>1. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hoá của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX</p> <p>1. Vương triều Gúp-ta</p> <p>2. Vương triều Hồi giáo Delhi</p> <p>3. Đế quốc Mogul</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.</li> <li>Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh.</li> </ul> <p><b>Nhận biết:</b> Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gúp-ta, Delhi và đế quốc Mogul.</p>	2		
2	Chương 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	<p>1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI</p> <p>2. Vương quốc Campuchia</p> <p>3. Vương quốc Lào</p>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.</li> <li>Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b> Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.</p>	2	1	
3	Chương 4. Đất nước dưới thời các vương triều Ngô – Đinh –	<p>1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiên Lê</p>	<p><b>Nhận biết:</b> Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Vẽ được sơ đồ tổ chức chính quyền (trung ương) thời Ngô –</p>	2		1/2

TT	Chương	Nội dung hoặc Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Tiền Lê (939 – 1009)		Đình – Tiền Lê. <b>Vận dụng cao:</b> Nhận xét và đánh giá tổ chức bộ máy nhà nước thời Tiền Lê.				
<b>Tổng số câu</b>				8TN	1TTL	1/2TTL	1/2TTL
<b>Tỉ lệ % mức độ nhận thức</b>				20%	15%	10%	5%
<b>Tỉ lệ chung % mức độ nhận thức</b>				35%			

#### B. ĐỊA LÍ

TT	Chương	Nội dung hoặc Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	<b>Chương 1. Châu Âu</b>	1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu 2. Đặc điểm tự nhiên 3. Đặc điểm dân cư, xã hội 4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên 5. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	<b>Nhận biết:</b> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hoà. <b>Vận dụng:</b> Lựa chọn trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.	3		1	
2	<b>Chương 2. Châu Á</b>	1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Á	<b>Nhận biết:</b>	3	1		

TT	Chương	Nội dung hoặc Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng cao
		<p>2. Đặc điểm tự nhiên</p> <p>3. Đặc điểm dân cư, xã hội</p> <p>4. Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á</p> <p>5. Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á</p>	<p>– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.</p> <p>– Trình bày đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.</p> <p>– Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.</p>			
3	<b>Chương 3. Châu Phi</b>	<p>1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu</p> <p>2. Đặc điểm tự nhiên</p> <p>3. Đặc điểm dân cư, xã hội</p> <p>4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên</p> <p>5. Khái quát về cộng hoà Nam Phi</p>	<p><b>Nhận biết:</b> Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> Biết cách sưu tầm và trình bày được một số sự kiện lịch sử về cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.</p>	2	1	1
<b>Tổng số câu</b>				<b>8TN</b>	<b>1TTL</b>	<b>1 TTL</b>
<b>Tỉ lệ % mức độ nhận thức</b>				<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung % mức độ nhận thức</b>				<b>35%</b>		
<b>Tỉ lệ chung % mức độ nhận thức</b>				<b>15%</b>		

## VI. ĐỀ MINH HOẠ (Thời gian làm bài: 60 phút)

### A. LỊCH SỬ

#### PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

*Khoanh vào chữ chỉ đáp án đúng trong các câu dưới đây.*

**Câu 1.** Nhận xét nào dưới đây *đúng* với sự phát triển của Trung Quốc dưới thời kì cai trị của nhà Đường?

- A. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- B. Trung Quốc đối mặt với nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.
- C. Bộ máy nhà nước được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương.
- D. Những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện và phát triển.

**Câu 2.** Kinh tế Trung Quốc dưới thời Minh – Thanh có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Hình thành một số đô thị với nhiều ngành thủ công truyền thống.
- B. Kinh tế không phát triển do bị các chính sách của nhà nước kìm hãm.
- C. Công thương nghiệp phát triển, xuất hiện mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- D. Các xưởng thủ công lớn xuất hiện ở nhiều nơi.

**Câu 3:** Vương triều Gúp-ta được gọi là thời kì hoàng kim của Ấn Độ vì

- A. kinh tế có những tiến bộ vượt bậc; đời sống của người dân ổn định, sung túc.
- B. xã hội ổn định, đạo Phật tiếp tục phát triển mạnh.
- C. nhiều công trình kiến trúc kì vĩ, tinh xảo được xây dựng.
- D. hoạt động thương mại trong nước được đẩy mạnh và Ấn Độ có quan hệ buôn bán với nhiều nước.

**Câu 4.** Dưới sự trị vì của mình, A-co-ba (1556 – 1605) đã thi hành nhiều biện pháp tiến bộ. Đó là những biện pháp gì?

- A. Xoá bỏ kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo.
- B. Thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo, khôi phục và phát triển kinh tế.

C. Khôi phục và phát triển kinh tế, xoá bỏ kì thị tôn giáo.

D. Xoá bỏ kì thị tôn giáo, thủ tiêu đặc quyền Hồi giáo, khôi phục và phát triển kinh tế.

**Câu 5.** Nét đặc sắc của văn hoá Lào và văn hoá Campuchia thể hiện như thế nào?

A. Điều chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ.

B. Điều có hệ thống chữ viết riêng.

C. Tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hoá từ bên ngoài, kết hợp văn hoá bản địa để xây dựng nền văn hoá riêng đặc sắc.

D. Có nhiều công trình kiến trúc đền, tháp rất nổi tiếng.

**Câu 6.** Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ I đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì

A. thịnh đạt.

B. Ấng-co.

C. hoàng kim.

D. Bay-on.

**Câu 7.** Ở Việt Nam, ai là người đã có công dẹp “loạn 12 sứ quân”?

A. Khúc Thừa Dụ.

B. Ngô Quyền.

C. Đinh Bộ Lĩnh.

D. Lê Hoàn.

**Câu 8.** Những việc làm của Đinh Tiên Hoàng sau khi lên ngôi hoàng đế đã thể hiện điều gì?

A. Chứng tỏ tài năng của nhà Vua.

B. Sự ủng hộ của quần thần và nhân dân.

C. Đất nước đã giành được độc lập.

D. Khẳng định ở mức cao hơn vị thế độc lập của Đại Cồ Việt.

## PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

**Câu 1. (1,5 điểm)** Giới thiệu những thành tựu văn hoá nổi bật của Đông Nam Á thời Trung đại. Theo em, những thành tựu này chịu ảnh hưởng từ những quốc gia nào?

**Câu 2. (1,5 điểm)** Đọc đoạn tư liệu sau:

“Triều đình trung ương do vua đứng đầu, nắm mọi quyền hành về quân sự và dân sự. Giúp Lê Hoàn bàn việc nước có thái sư (quan đầu triều) và đại sư (nhà sư có danh tiếng). Dưới vua là các chức quan văn, quan võ; các con vua được phong vương và trấn giữ các vùng hiểm yếu.”

Nguồn: SGK – Lịch sử 7

a. Từ đoạn tư liệu trên, em hãy vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy trung ương thời Tiên Lê.

b. Nêu nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước thời Tiên Lê.



## B. ĐỊA LÍ

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm): Khoanh vào chữ cái chỉ đáp án đúng trong các câu dưới đây.

**Câu 1.** Châu Âu có diện tích:

A. trên 9 triệu km<sup>2</sup>.      B. trên 10 triệu km<sup>2</sup>.      C. trên 11 triệu km<sup>2</sup>.      D. trên 12 triệu km<sup>2</sup>.

**Câu 2.** Phần lớn lãnh thổ châu Âu nằm trong đới khí hậu nào?

A. Đới ôn hoà.      B. Đới lạnh.      C. Đới nóng.      D. Cả 3 đới.

**Câu 3.** Dãy núi nào sau đây là ranh giới giữa châu Á với châu Âu?

A. Dãy Tản Lĩnh      B. Dãy Hi-ma-lay-a      C. Dãy U-ran      D. Dãy Xai-an

**Câu 4.** Khí hậu châu Á được phân chia thành mấy đới?

A. 3 đới      B. 4 đới      C. 5 đới      D. 6 đới

**Câu 5.** Khu vực nào của châu Á **không** giáp biển?

A. Khu vực Bắc Á.      B. Khu vực Trung Á.      C. Khu vực Tây Nam Á.      D. Khu vực Đông Á.

**Câu 6.** Các khu vực tập trung đông dân cư của châu Á là

A. Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.      B. Bắc Á và Tây Á.  
C. Nam Á và Bắc Á.      D. Trung Á và Tây Á.

**Câu 7.** Châu Phi tiếp giáp với biển, đại dương nào sau đây?

A. Biển Đen      B. Thái Bình Dương      C. Địa Trung Hải.      D. Biển Ca-xpi.

**Câu 8.** Lãnh thổ châu Phi được chia thành 2 phần cân xứng qua đường nào?

A. Đường chí tuyến bắc.      B. Đường xích đạo.      C. Đường chí tuyến nam.      D. Đường kinh tuyến gốc.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

**Câu 1. (1,5 điểm)** Trình bày sự phân bố một số loại khoáng sản chính ở châu Á. Tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa như thế nào đối với các nước châu Á?

**Câu 2. (1,0 điểm)** Nêu một số giải pháp bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.

**Câu 3. (0,5 điểm)** Nêu một số nét chính về Nen-xon Man-đê-la..

## VII. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

### A. LỊCH SỬ

#### Phần I. Trắc nghiệm trắc quan (2,0 điểm) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

1C	2C	3A	4D	5C	6B	7C	8D
----	----	----	----	----	----	----	----

#### Phần II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Biểu điểm
1	<p>* Thành tựu nổi bật nhất về văn hoá là kiến trúc và điêu khắc.</p> <p>+ Kiến trúc và điêu khắc có nhiều công trình như đền, chùa, tháp, Ăng-co vát, Chùa Vàng ở Mianma và Thái Lan,...</p> <p>+ Nghệ thuật điêu khắc và tạc tượng như tượng thần, tượng phật, phù điêu...</p> <p>* Những thành tựu này chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc, thể hiện ở:</p> <p>– Các đền, chùa, mái đình và một số công trình kiến trúc khác đều có mái cong, uốn lượn hình rồng như kiến trúc Trung Quốc.</p> <p>– Một số khu đền tháp có hình tháp nhọn, nhiều tầng, được trang trí tỉ mỉ bằng các phù điêu; các khu đền xây bằng đá có mái tròn như chiếc bát úp của kiến trúc Ấn Độ.</p>	<p>0,25đ</p> <p>0,25đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
2	<p>a. <i>Vẽ sơ đồ và nhận xét tổ chức bộ máy trung ương thời Đinh – Tiền Lê (yêu cầu vẽ đúng, thẩm mỹ)</i></p> <p>b. <i>Nhận xét:</i> Bộ máy nhà nước thời Tiền Lê ngày càng hoàn thiện so với thời Ngô – Đinh... thể hiện sự tiến bộ trong việc xây dựng chính quyền độc lập, tự chủ.</p>	<p>1,0 đ</p> <p>0,5 đ</p>

**B. ĐỊA LÍ****Phần I. Trắc nghiệm (2,0 điểm) Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.**

<b>1B</b>	<b>2A</b>	<b>3C</b>	<b>4C</b>	<b>5B</b>	<b>6A</b>	<b>7C</b>	<b>8B</b>
-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

**Phần II. Tự luận (3,0 điểm)**

<b>Câu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Biểu điểm</b>
<b>1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân bố một số loại khoáng sản chính ở châu Á:</li> <li>+ Phía bắc: Dầu mỏ, khí đốt, than, vàng, kim cương, thiếc.</li> <li>+ Phía đông, nam và tây nam: than, sắt, thiếc, dầu mỏ.</li> <li>– Ý nghĩa của tài nguyên khoáng sản với các nước châu Á:</li> <li>+ Tài nguyên khoáng sản là cơ sở để phát triển các ngành khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản.</li> <li>+ Cung cấp các nguyên liệu cần thiết cho các ngành như sản xuất ô tô, luyện kim.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<b>2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Kiểm soát lượng khí thải trong khí quyển.</li> <li>– Đánh thuế các-bon, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các nhiên liệu có hàm lượng các-bon cao như dầu mỏ và khí tự nhiên, góp phần giảm tải khí CO<sub>2</sub> vào khí quyển.</li> <li>– Đầu tư phát triển công nghệ xanh, sử dụng năng lượng tái tạo để dần thay thế năng lượng hoá thạch.</li> <li>– Đối với thành phố: giảm lượng xe lưu thông thành phố, ưu tiên giao thông công cộng, xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên cho người đi xe đạp và đi bộ.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>3</b>	<p>Một số nét chính về Nen-xon Man-đê-la:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Là người dành cả đời đấu tranh chống chính sách phân biệt chủng tộc ở châu Phi.</li> <li>– Ông là tổng thống da màu đầu tiên của Nam Phi, là lãnh tụ chính trị được yêu thích trên thế giới.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>